

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ,
du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái
giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Xét Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Chính sách khuyến khích đầu tư vào sản xuất công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017 - 2020, với nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017 - 2020.

b) Đối tượng áp dụng

- Nhà đầu tư nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại chính sách này.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư

- Dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên. Riêng các dự án đầu tư chế biến nông lâm sản có tổng vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng trở lên.

- Dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu du lịch; đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp trên địa bàn các huyện, thị xã (trừ thành phố Yên Bái) có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

- Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp.

- Dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch được duyệt, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thân thiện với môi trường.

b) Không áp dụng chính sách này đối với các dự án đầu tư sau: Đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư chế biến khoáng sản; đầu tư xây dựng công trình thủy điện; đầu tư sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước; dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện đã được hưởng ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Chính sách này áp dụng đối với các dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô (tính từ thời điểm chính sách này có hiệu lực) và nhà đầu tư phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đầu tư đã cam kết.

b) Thời điểm được xét cấp ưu đãi và hỗ trợ: Khi nhà đầu tư hoàn thành dự án hoặc hoàn thành theo phân kỳ đầu tư của dự án và dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết, trên cơ sở hồ sơ thiết kế dự toán được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định và khối lượng thực tế thi công nghiệm thu, thanh quyết toán.

c) Nhà đầu tư đang hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo các quy định trước thời điểm chính sách này có hiệu lực tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quyền đề nghị hưởng hỗ trợ theo quy định tại chính sách này cho thời gian còn lại của dự án. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại chính sách này nếu đã triển khai thực hiện dự án trước thời điểm chính sách này có hiệu lực và chưa thực hiện ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại chính sách này.

d) Trong cùng một thời gian, nếu nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

đ) Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư khi nhà nước thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp nhà đầu tư tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả phần kinh phí được hỗ trợ theo quy định bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

e) Những nội dung không nêu trong chính sách này được thực hiện theo các chính sách hiện hành của Nhà nước.

4. Chính sách khuyến khích đầu tư

a) Hỗ trợ san tạo mặt bằng

Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí san tạo mặt bằng nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng

- Đối với các dự án trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tỉnh đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước đến hàng rào dự án.

- Đối với nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư xây dựng nhưng không quá 03 tỷ đồng đối với nhà đầu tư có diện tích khai thác từ 30 ha đến dưới 50 ha và không quá 05 tỷ đồng đối với nhà đầu tư có diện tích khai thác từ 50 ha trở lên.

- Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ như xây dựng khu du lịch, trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp: Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng về giao thông, điện trong hàng rào dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án.

- Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch được duyệt, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thân thiện với môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy mô, tính chất từng dự án cụ thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ.

c) Hỗ trợ khác

- Hỗ trợ miễn phí cho nhà đầu tư trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh, giới thiệu sản phẩm trên Website và các kênh thông tin khác của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp, Tư vấn và Xúc tiến đầu tư tỉnh Yên Bái.

- Hỗ trợ nhà đầu tư về thủ tục đầu tư, kinh doanh: Các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, quy hoạch ngành, lĩnh vực đầu tư và các thông tin khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của ngành mình theo quy định.

5. Nguồn vốn thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách này được bố trí từ ngân sách địa phương trên cơ sở số lượng dự án thực tế được đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào sản xuất công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XVIII - Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2017./.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Trà

